

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày 09 - 4 - 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vàng Bảo Ngọc.

Bà Trương Thị Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 20/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với:

- **Bị cáo:** Triệu Thúy N; sinh năm 1966; nơi sinh: huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Đồng Kim (đã chết) và con bà Phùng Thị S (đã chết); có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có chồng: Triệu Đức T, sinh năm 1966 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Quyết định truy nã ngày 26/02/2019, quyết định đình nã ngày 10/11/2023; tạm giữ ngày 09/11/2023; tạm giam ngày 15/11/2023. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (có mặt).

**Người bào chữa:** Bà Trần Thị L - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H (có mặt).

- **Bị hại:** Ông: Giàng Văn H, sinh năm 1986 (có mặt); bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1988 (vắng mặt); Điều cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- **Người làm chứng:** Ông Giàng A Q, sinh năm 1996 (vắng mặt); ông Nông Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt); ông Giàng Văn C, sinh năm 1988 (có mặt), ông Triệu Văn C1, sinh năm 1986 (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2016, Triệu Thúy N do thiếu tiền trả nợ vật liệu, tiền thuê nhân công xây nhà và biết Giàng A Q có nhu cầu xin việc làm nên Triệu Thúy N nói với Giàng A Q bản thân đang là giáo viên công tác tại Trường mầm non xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang và đưa ra thông tin có người nhà làm Lãnh đạo ở tỉnh Hà Giang có thể xin việc làm cho nhiều người. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn ông Q chưa có nhu cầu xin việc, do đó ông Q giới thiệu và đưa số điện thoại của ông Giàng Văn H cho Triệu Thúy N (vì vợ của ông H là bà Hoàng Thị N1 tốt nghiệp Trường Cao đẳng S1 chưa xin được việc làm). Sau khi có số điện thoại của ông H, N điện thoại với ông H, quá trình trao đổi Nái đưa ra thông tin nói với ông Q có khả năng xin được việc cho vợ ông H làm giáo viên biên chế chính thức không phải qua thời gian hợp đồng ở huyện Q, tỉnh Hà Giang với điều kiện gia đình ông H đưa số tiền 145.000.000đ kèm theo 01 bộ hồ sơ của bà N1 để N xin việc. Ông H đồng ý nhưng chưa có đủ số tiền nên đã đưa cho N 03 lần tiền và viết giấy vay nợ với nhau. Mục đích để N có trách nhiệm trả lại tiền nếu không xin được việc làm cho vợ ông H cụ thể:

**Lần thứ nhất:** Ngày 03/12/2016 Giàng Văn H cùng vợ Hoàng Thị N1 và ông Giàng A Q đến thành phố H gặp Triệu Thúy N. Sau khi trao đổi Giàng Văn H đưa cho Triệu Thúy N 01 bộ hồ sơ xin việc làm mang tên Hoàng Thị N1 và đưa trước số tiền là 130.000.000đ. Quá trình giao nhận tiền Triệu Thúy N là người trực tiếp viết giấy vay nợ tiền ông H, sau khi giao nhận tiền xong N ký người vay tiền, ông H ký người cho vay và ông Q ký người làm chứng.

**Lần thứ hai:** Ngày 08/12/2016, Triệu Thúy N tiếp tục gọi điện cho ông H yêu cầu đưa thêm số tiền 10.000.000đ. Qua trao đổi hai bên thống nhất ông H đem theo tiền từ nhà ra hướng thành phố H, còn Triệu Thúy N đi hướng Hà Giang - B khi nào gặp nhau ở đâu sẽ giao nhận tiền ở đó, sau đó ông H rủ ông Nông Văn K đi cùng. Khi đến Km 24 QL34 thuộc thôn N, xã Y, huyện B thì hai bên gặp nhau, ông H đã đưa cho Triệu Thúy N số tiền là 10.000.000đ. Quá trình giao nhận tiền có viết giấy vay nợ, Triệu Thúy N ký người vay, ông H ký người cho vay, còn ông K ký người chứng kiến.

**Lần thứ ba:** Đến chiều ngày 05/6/2017 Triệu Thúy N tiếp tục gọi điện cho Giàng Văn H và đưa ra thông tin bà Hoàng Thị N1 sắp có quyết định được việc làm và yêu cầu ông H đem nốt số tiền còn lại 5.000.000đ ra cho Triệu Thúy N để Nái mua quà cảm ơn cho người giúp xin việc. Giàng Văn H có rủ ông Giàng Văn C đem theo số tiền 5.000.000đ đến nơi ở phòng trọ của Triệu Thúy N tại Tổ I phường Q, thành phố H và giao số tiền trên cho Triệu Thúy N. Quá trình giao nhận tiền viết giấy vay nợ, Triệu Thúy N ký người vay, ông H ký người cho vay, còn ông C ký người chứng kiến.

Sau khi nhận đủ số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) và bộ hồ sơ xin việc, Triệu Thúy N không gặp cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho bà N1 mà đã sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ cá nhân và tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy vợ là bà N1 có quyết định đi làm ông H đến tìm và gọi điện nhiều lần cho Triệu Thúy N đòi lại số tiền trên nhưng N luôn tìm cách né tránh và ra nhiều lý do khác nhau để không gặp ông H. Đến ngày 29/5/2018 ông H đã làm đơn trình báo về việc Triệu Thúy N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình và yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 221/KL - PC54 ngày 29/6/2018 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Triệu Thúy N dưới mục “*người vay*” trong giấy vay tiền ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết đứng tên Triệu Thúy N dưới mục “*người nhận xét*”, “*người viết đơn*”, “*người ủy quyền*”, “*người khai*” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M2, M3, M4 là do cùng 01 người viết và ký ra.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được ngày 06/8/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam Triệu Thúy N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999”. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội Triệu Thúy N bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 26/02/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định truy nã bị can, đến ngày 09/11/2023 bị can Triệu Thúy N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú.

- **Vật chứng thu giữ:** 01 giấy vay tiền ngày 03/12/2016 giữa người cho vay ông Giàng Văn H, người vay Triệu Thúy N và người làm chứng Giàng A Q (Bản chính). 01 giấy vay tiền ngày 08/12/2016 giữa người cho vay là ông Giàng Văn H, người vay Triệu Thúy N và người làm chứng Nông Văn K (Bản chính). 01 giấy vay tiền ngày 05/6/2017 giữa người cho vay là ông Giàng Văn H, người vay Triệu Thúy N và người làm chứng Giàng Văn C (Bản chính). Đối với 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Hoàng Thị N1, sau khi nhận hồ sơ Triệu Thúy N do di chuyển nhiều nơi không nhớ để ở đâu, quá trình điều tra không truy thu được.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Trong quá trình điều tra Triệu Thúy N tác động gia đình khắc phục hậu quả trả lại số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) cho bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng có mặt khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 07/CT-VKSBM ngày 19/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố Triệu Thúy N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Thúy N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 33; Điều 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Triệu Thúy N từ 36 tháng tù đến 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 09/11/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không; về trách nhiệm dân sự, về vật chứng: Không.

- Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; điều 14; khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo:* Viện kiểm sát nhân dân huyện

Bắc Mê truy tố bị cáo Triệu Thúy N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra, truy tố bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại và bị hại xin giảm hình phạt, ngoài ra bị cáo tuổi cao là người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Triệu Thúy N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hình phạt: Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999. Xử phạt: Bị cáo Triệu Thúy N 02 (hai) năm tù. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phần tranh luận bị cáo nhất trí quan điểm Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo.

Bị hại nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tại phiên tòa vắng mặt*: Người làm chứng ông Giàng A Q, ông Nông Văn K và bị hại bà Hoàng Thị N1. Xét thấy bị cáo, bị hại, Kiểm sát viên đồng ý xét xử; trong hồ sơ đã có lời khai việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự. Hội đồng tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về tố tụng*: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo; bị hại; trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] *Về tội danh*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập, phù hợp với biên bản lời khai của những người làm chứng có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2017 Triệu Thúy N do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối có người nhà làm Lãnh đạo ở tỉnh Hà Giang có thể xin được việc làm và lợi dụng việc ông Giàng Văn H có nhu cầu xin việc làm cho vợ bà Hoàng Thị N1. Triệu Thúy N chiếm đoạt tài sản của ông Giàng Văn H tổng số tiền là 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Sau khi nhận số tiền trên đã sử dụng việc trả nợ chi tiêu vào

mục đích cá nhân hết. Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Triệu Thúy N dưới mục "người vay" trong giấy vay tiền ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết đứng tên Triệu Thúy N dưới mục "người nhận xét", "người viết đơn", "người ủy quyền", "người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M2, M3, M4 là do cùng một người viết và ký ra. Như vậy, cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi hơn so với Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên áp dụng Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Thúy N đã phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

**Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.**

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

... e) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.*

[4] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Thuộc trường hợp nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về vật chất cho các bị hại, mà còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại rất tinh vi đưa ra thông tin gian dối "*có người nhà làm Lãnh đạo ở tỉnh Hà Giang có thể xin được việc làm giáo viên biên chế chính thức không phải qua thời gian hợp đồng*" bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Để đấu tranh phòng ngừa tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, rèn luyện trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục hậu quả cho các bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiện bị cáo tuổi cao sức khỏe yếu, sau khi phạm tội bỏ trốn đã ăn năn hối lỗi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự

năm 1999. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ”. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa, bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Không.

[9] *Trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra bị cáo N tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại số tiền 145.000.000đ. Bị hại bà N1 là vợ ông H hiện đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đã ủy quyền cho chồng ông H trực tiếp nhận lại số tiền bồi thường. Tại phiên tòa ông H thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên không yêu cầu bồi thường thêm. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Trong vụ án này có đối tượng liên quan*: Đối với ông Q là người giới thiệu ông H cho bị cáo N, sau đó N đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của ông H, quá trình điều tra xác định ông Q và ông H có mối quan hệ anh em họ hàng. Ông Q không được bàn bạc hay hứa hẹn và cũng không được hưởng lợi gì hành vi lừa đảo của bị cáo N, do vậy không có cơ sở để xử lý đối với ông Q nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy, mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt và tiền án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[12] Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị hình phạt 02 (hai) năm tù không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc răn đe, đấu tranh tội phạm phòng ngừa chung. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[14] *Quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Thúy N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 33; Điều 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thúy N **36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Thúy N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại ông Giàng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại bà Hoàng Thị N1 vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bắc Mê;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; bị hại; trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Dương Văn Công**